

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN



PHAN THỊ THANH HOA

**XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC PHỤC VỤ
CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA
Ở TỈNH KIÊN GIANG HIỆN NAY**

Ngành: CNDVBC & CNDVLS

Mã số: 9229002

**TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SĨ CHỦ NGHĨA DUY VẬT
BIỆN CHỨNG VÀ CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ**

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - 2025

Công trình được hoàn thành tại:
ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

---o0o---

Người hướng dẫn khoa học:
PGS.TS. NGUYỄN THẾ NGHĨA

Phản biện độc lập 1:

Phản biện độc lập 2:

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Phản biện 3:

Luận án được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận án Tiến sĩ Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn – Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng.....năm

Có thể tìm hiểu luận án tại:

- Thư viện Đại học Quốc gia TP.HCM.
- Thư viện Trường Đại học KHXH& NV, TP.HCM.
- Thư viện Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ CÔNG BỐ LIÊN QUAN

ĐẾN ĐỀ TÀI CỦA LUẬN ÁN

1. Phan Thị Thanh Hoa, *Quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về phát triển đội ngũ trí thức và thực tiễn vận dụng tại tỉnh Kiên Giang hiện nay*, Tạp chí Nghiên cứu con người, ISSN: 2815-5777, số 6 129)/2023, tr 26 -33.

2. Phan Thị Thanh Hoa, *Xây dựng và phát triển đội ngũ trí thức tỉnh Kiên Giang: Thực trạng và giải pháp*, Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam, ISSN: 1605 - 2811, số 2 (2024), tr 12-23.

3. Phan Thị Thanh Hoa (2020), *Building the intellectual workforce in VietNam - from Ho Chi Minh's ideology to the perspectives of the communist party of VietNam*, International Journal of Social Science and Human Research, ISSN (online): 2644-0695; ISSN (Print): 2644-0679, 7/6/2024, <https://ijsshr.in/v7i6/87.php>

4. Phan Thị Thanh Hoa (2022). *Explore the content of Building and developing the Intellectual Team in the context of Industrialization and Modernization of the Country*, Library Progress International, ISSN (online): 2320 - 317X. ISSN 0970-1502, 2024,

<https://www.scopus.com/sourceid/21101204534#tabs=1>

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Cho đến nay, loài người đã trải qua bốn cuộc cách mạng công nghiệp, mỗi cuộc cách mạng đều đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong tiến trình phát triển của nền sản xuất xã hội. Những thay đổi này không chỉ đơn thuần là sự tiến bộ về kỹ thuật và công nghệ, mà còn tạo ra những biến chuyển sâu sắc về cơ cấu xã hội, cách thức tổ chức sản xuất và phương thức làm việc. Mỗi cuộc cách mạng công nghiệp không chỉ là sự phát triển về công nghệ mà còn là động lực mạnh mẽ thúc đẩy sự tiến bộ xã hội, ảnh hưởng đến mọi lĩnh vực của đời sống, từ kinh tế đến văn hóa, giáo dục và môi trường. Sự thay đổi này tạo ra cả những cơ hội lẫn thách thức, đòi hỏi nhân loại phải thích nghi và đổi mới liên tục để khai thác tối đa lợi ích từ các cuộc cách mạng này.

Trong tất cả các cuộc cách mạng công nghiệp, đặc biệt là cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đội ngũ trí thức luôn giữ vai trò chủ đạo trong việc định hình và thúc đẩy sự phát triển. Họ không chỉ là những người sáng tạo ra tri thức và công nghệ mới mà còn là những người áp dụng chúng vào thực tiễn sản xuất và đời sống hàng ngày. Điều này không chỉ giúp tối ưu hóa quy trình sản xuất mà còn nâng cao chất lượng cuộc sống của con người. Đội ngũ trí thức, với những hiểu biết sâu rộng và khả năng tư duy phản biện, đóng vai trò quan trọng trong việc định hướng sự phát triển kinh tế - xã hội. Họ giúp xây dựng những chính sách hợp lý, dự báo xu hướng và thách thức trong tương lai, từ đó tạo ra những giải pháp hiệu quả cho những vấn đề xã hội. Sự đóng góp của trí thức không chỉ dừng lại ở việc giải quyết những thách thức hiện tại mà còn là chìa khóa mở ra những cơ hội mới cho sự phát triển bền vững của xã hội. Trong bối cảnh hiện đại, khi mà sự tiến bộ của công nghệ diễn ra nhanh chóng và toàn cầu hóa ngày càng sâu sắc, vai trò của đội ngũ trí thức càng trở nên quan trọng hơn bao giờ hết. Họ không chỉ là lực lượng nòng cốt trong việc phát triển kinh tế mà còn là những người dẫn dắt xã hội tiến lên, hướng tới một tương lai sáng lạn, văn minh và tiến bộ. Từ đó, có thể khẳng định rằng, trí thức là tầng lớp đặc biệt trong xã hội, có nhiệm vụ quan trọng trong việc tạo ra giá trị mới, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Ở Việt Nam, đội ngũ trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản đã có những đóng góp quan trọng trong Cách mạng Tháng Tám, trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược. Ngày nay, trong sự nghiệp đổi mới và hội nhập quốc tế đội ngũ trí thức đang sáng tạo và tiếp nhận những thành tựu của cách mạng công nghiệp lần thứ tư để thúc đẩy sản xuất, kinh doanh, chuyển đổi số, xây dựng chính phủ số, xã hội số, kinh tế số, kinh tế xanh, quản lý phát triển xã hội và thúc đẩy tiến bộ xã hội.

Nhận thức sâu sắc vị trí, vai trò của đội ngũ trí thức trong tiến trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Nghị quyết số 27-NQ/TW ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) khẳng

định: “Xây dựng ĐNTT vững mạnh là trực tiếp nâng tầm trí tuệ của dân tộc, sức mạnh của đất nước, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng và chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị. Đầu tư xây dựng đội ngũ trí thức là đầu tư cho phát triển bền vững” **Error! Reference source not found.** Quan điểm trên của Đảng được tiếp tục phát triển tại các kỳ Đại hội, đặc biệt là được nhấn mạnh sâu sắc tại Nghị quyết số 45-NQ/TW Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và phát huy vai trò của đội ngũ trí thức đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh và bền vững trong giai đoạn mới “Xây dựng đội ngũ trí thức vững mạnh toàn diện là đầu tư cho xây dựng, bồi đắp nguyên khí quốc gia và phát triển bền vững, là trách nhiệm của Đảng, Nhà nước, hệ thống chính trị và xã hội” **Error! Reference source not found.** Để thực hiện các Nghị quyết nói trên của Trung ương về xây dựng đội ngũ trí thức, tỉnh Kiên Giang đã tập trung các nguồn lực, triển khai đồng bộ và đạt được những kết quả quan trọng: đội ngũ trí thức tỉnh Kiên Giang phát triển không ngừng cả về số lượng và chất lượng. Tỉnh Kiên Giang, với vị trí chiến lược ven biển và nguồn tài nguyên phong phú, đã và đang tập trung mạnh mẽ các nguồn lực nhằm phát triển kinh tế bền vững, tận dụng những tiềm năng và lợi thế đặc thù của địa phương. Đặc biệt, tỉnh đã chú trọng đến việc phát triển đội ngũ trí thức, không chỉ về số lượng mà còn về chất lượng, nhằm tạo ra nền tảng vững chắc để thúc đẩy sự phát triển của các ngành kinh tế chủ lực, đặc biệt là kinh tế biển, nông lâm thủy sản và du lịch. Đội ngũ trí thức tỉnh Kiên Giang được đào tạo bài bản và nâng cao năng lực chuyên môn, góp phần quan trọng trong việc nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến vào các lĩnh vực như nuôi trồng thủy sản, chế biến hải sản, sản xuất nông sản sạch, và phát triển du lịch bền vững. Những nghiên cứu, sáng kiến và mô hình ứng dụng từ đội ngũ trí thức không chỉ giúp tỉnh khai thác hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, mà còn góp phần bảo vệ và phát huy các giá trị văn hóa, môi trường sinh thái, hướng đến một phát triển kinh tế gắn liền với bảo vệ tài nguyên và bảo tồn đa dạng sinh học. Cụ thể, trong lĩnh vực kinh tế biển, tỉnh Kiên Giang đã tận dụng các lợi thế về nguồn lợi hải sản phong phú, từ đó phát triển các chuỗi cung ứng ngành hải sản, từ đánh bắt đến chế biến và tiêu thụ. Mặt khác, việc ứng dụng các công nghệ mới trong nuôi trồng thủy sản, như nuôi tôm sạch công nghệ cao, đã nâng cao giá trị sản phẩm, tăng trưởng xuất khẩu và cải thiện đời sống người dân. Đồng thời, lĩnh vực du lịch cũng được đẩy mạnh thông qua các chiến lược phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng biển, khai thác tiềm năng các đảo và các khu di tích lịch sử, văn hóa. Tất cả những nỗ lực này đã và đang tạo ra một nền tảng vững chắc cho sự phát triển toàn diện của Kiên Giang, góp phần nâng cao vị thế của tỉnh trong khu vực và cả nước. Đội ngũ trí thức không chỉ là nguồn lực quan trọng trong việc triển khai các kế hoạch phát triển mà còn là yếu tố quyết định trong việc chuyên hóa tiềm năng thành các giá trị kinh tế thực tế, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân địa phương và đảm bảo phát triển bền vững cho tương lai. Tuy nhiên đội ngũ trí thức vẫn chưa đủ những điều kiện để đáp ứng được yêu cầu phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh. Luận án không chỉ hướng đến việc phân tích và đánh giá những thách thức, cơ hội hiện tại mà còn nhằm đưa ra những giải pháp thực tiễn, thiết thực để nâng cao chất lượng và số lượng đội ngũ trí thức

tại tỉnh. Điều này sẽ góp phần tích cực vào quá trình chuyển mình của tỉnh Kiên Giang trong bối cảnh hội nhập quốc tế và phát triển bền vững, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của xã hội. Nghiên cứu này kỳ vọng sẽ cung cấp những kiến thức và phương hướng chiến lược quan trọng cho sự phát triển đội ngũ trí thức của tỉnh, đồng thời tạo ra những đóng góp thiết thực cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Trong bối cảnh hiện nay, khi tỉnh Kiên Giang đang trong quá trình thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa, việc xây dựng một đội ngũ trí thức đủ năng lực và phẩm chất trở thành yếu tố then chốt để đảm bảo thành công của quá trình này. Nhận thức rõ vai trò quan trọng của đội ngũ trí thức trong việc phát triển kinh tế - xã hội. Nghiên cứu sinh quyết định chọn đề tài “Xây dựng đội ngũ trí thức phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở tỉnh Kiên Giang” cho luận án tiến sĩ triết học của mình. Đề tài này không chỉ nhằm làm rõ các yếu tố tác động, thực trạng đội ngũ trí thức hiện nay mà còn đưa ra những giải pháp cụ thể, thiết thực để phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trí thức, đáp ứng yêu cầu của công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong giai đoạn mới của tỉnh Kiên Giang.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu đề tài

2.1. Những công trình nghiên cứu lý luận chung về trí thức, công nghiệp hóa, hiện đại hóa

2.1.1. Những công trình nghiên cứu lý luận về trí thức

Về chủ đề này có các nghiên cứu tiêu biểu từ các từ điển như: *Từ điển Bách khoa triết học* (1983), *Từ điển Tiếng Việt* (1994), *Từ điển Tiếng Việt* (2003) *Từ điển bách khoa Việt Nam* (2005), *Từ điển Tiếng Nga* (1991), *Từ điển Triết học* (1986), *Từ điển Chủ nghĩa xã hội khoa học* (1986), *Từ điển Bách khoa Việt Nam* (2002)...

Các công trình nghiên cứu nước ngoài liên quan đến đề tài luận án: liên quan đến chủ đề này phải kể đến các công trình như: *L'opium de intellectuels (thuốc phiện của trí thức)*, *Choisis La Vie un dialogue (Chọn cuộc sống một cuộc đối thoại)*, (Daisaku Ikeda, 1981), *Lựa chọn* (Yury Bondarev, 1985), *Tôn trọng trí thức, tôn trọng nhân tài - kể lớn trăm năm chấn hưng đất nước* (Thảm Vĩnh Hoa, Ngô Quốc Diệu do Nguyễn Như Diện dịch, 1996), *Nhân tài - Nguồn tài nguyên số một* (Triệu Vĩnh Hiền, Trương Hạo Hàm, Hoàng Duy, 2013), *Bàn về trí thức Nga* (nhiều tác giả Nga, do La Thành và Phạm Nguyên Trường dịch, 2009), *The intellectuals and Socialism* (Trí thức và chủ nghĩa xã hội của Friedrich August Hayek, Tạp chí The University of Chicago Law Review, 1949), *Le mot intellectuel* (Từ trí thức của Pierer Fougeyrollas, 1960, Tài liệu dịch của Trung tâm Khoa học xã hội và nhân văn quốc gia), *Thế nào là người trí thức?* (Trích trong tác phẩm “Sự dấn thân của người trí thức” *The commitment of the intellectual* của Paul Alexandere Baran, 1962)...

2.1.2. Những công trình nghiên cứu lý luận về công nghiệp hóa, hiện đại hóa

Về chủ đề này có các công trình và tác phẩm tiêu biểu như: Đỗ Mười, (1994) với bài viết “*Đẩy tới một bước sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng*”; Mai Hữu Thực, (1994), với công trình nghiên cứu “*Mấy suy nghĩ về quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta*”; Nguyễn Thành Bang, (1994), với nghiên cứu “*Mấy suy nghĩ về con đường hiện đại hóa đất nước trong thời đại hiện nay*”; Cuốn sách “*Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam và các nước trong khu vực*” của Phạm Khiêm Ích - Nguyễn Đình Phan, (1994); Tác giả Nguyễn Quang Du, (1994), trong tác phẩm “*Tài nguyên con người trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa*”; Trong nghiên cứu “*Nguồn nhân lực trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*”; Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 20 - NQ/TW, Tỉnh ủy Kiên Giang, (2022); Chương trình hành động của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Kiên Giang, Tỉnh ủy Kiên Giang, (2023), trong tài liệu này, hai quan điểm chủ đạo về CNH, HĐH được nêu ra một cách rõ ràng, đó là việc chuyển đổi căn bản và toàn diện nền kinh tế cùng với đời sống xã hội; Văn Kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Kiên Giang lần thứ X, Tỉnh ủy Kiên Giang, (2020).

2.2 Các công trình nghiên cứu về xây dựng đội ngũ trí thức ở Việt Nam và Kiên Giang hiện nay

2.2.1. Các công trình nghiên cứu về xây dựng đội ngũ trí thức ở Việt Nam

Các công trình nghiên cứu về trí thức và xây dựng đội ngũ trí thức gồm: *Trí thức Việt Nam, thực tiễn và triển vọng* (Phạm Tất Dong, 1995), *Một số vấn đề về đội ngũ trí thức Việt Nam* (Nguyễn Thanh Tuấn chủ biên, 1998), *Định hướng phát triển đội ngũ trí thức Việt Nam trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa* (Phạm Tất Dong chủ biên, 2001), *Trí thức với Đảng, Đảng với trí thức trong sự nghiệp giải phóng và xây dựng đất nước*. (Nguyễn Văn Khánh chủ biên, 2004), *Trí thức Việt Nam trước yêu cầu phát triển đất nước* (Nguyễn Đắc Hưng, 2005), *Trí thức Việt Nam trước yêu cầu phát triển đất nước* (Nguyễn Đắc Hưng, 2005), *Bác Hồ với nhân sĩ trí thức* (Trần Đương chủ biên, 2007), *Trí thức Việt Nam tiến cùng thời đại* (Nguyễn Đắc Hưng chủ biên, 2008). *Đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng nguồn nhân lực tài năng - kinh nghiệm của thế giới* (Trần Văn Tùng, 2005), *Kinh nghiệm của một số nước về phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ gắn với xây dựng đội ngũ trí thức* (Nguyễn Thế Dũng, 2014), *Xây dựng đội ngũ trí thức thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo tư tưởng Hồ Chí Minh* (Nguyễn Khánh Bất và Trần Thị Huyền đồng chủ biên, 2013), *Trí thức Việt Nam thời xưa* (Vũ Khiêu, 2014), *Thực trạng và giải pháp xây dựng đội ngũ trí thức Việt Nam trong sự nghiệp đổi mới đất nước* (Đức Vượng chủ biên, 2014), *Trí thức Việt Nam với cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư* (Lê Văn Thắng và Nguyễn Văn Tuấn đồng chủ biên, 2018)... Và một số luận án và bài báo nghiên cứu về trí thức và xây dựng đội ngũ trí thức.

2.2.2. Những tài liệu liên quan đến trí thức và xây dựng đội ngũ trí thức ở tỉnh Kiên Giang hiện nay

Kế hoạch số 50/KH-UBND của UBND tỉnh Kiên Giang (2008); Chương trình hành động số 30-CTr/TU của Tỉnh ủy Kiên Giang (2013); Văn kiện Đại hội Đảng bộ tỉnh Kiên Giang lần thứ X (2015); Nghị quyết số 100/2017/NQ của Hội đồng nhân dân tỉnh Kiên Giang (2017); Báo cáo số 295/BC-TU của Tỉnh Ủy Kiên Giang (2018); Báo cáo tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 27 - NQ/TW (2018); Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Kiên Giang lần thứ XI (2020); Báo cáo số 194-BC/TU của Tỉnh ủy Kiên Giang (2022); Báo cáo tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết số 27 - NQ/TW (2022); Báo cáo tổng kết Đề án phát triển nguồn nhân lực tỉnh Kiên Giang đến năm 2020 và những năm tiếp theo; Báo cáo số 235-BC/TU của Tỉnh ủy Kiên Giang (2022); Chương trình hành động số 40-CTr/TU của Tỉnh ủy Kiên Giang (2023); Đề án phát triển nguồn nhân lực tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang (2023).

2.3. Đánh giá tổng quát về các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án và những vấn đề luận án cần nghiên cứu giải quyết

Đánh giá tổng quan về các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án

Một là, Những công trình nghiên cứu đã được đề cập trước đây tạo ra một nền tảng vững chắc và điều kiện thuận lợi cho tác giả luận án trong việc kế thừa và vận dụng các tri thức đã được phát triển trong lĩnh vực nghiên cứu ĐNTT và CNH, HĐH. Trong các tài liệu nghiên cứu về trí thức và xây dựng ĐNTT ở tỉnh Kiên Giang, đã có những phân tích bước đầu về thực trạng của ĐNTT, cũng như vai trò quan trọng của Đảng bộ và chính quyền tỉnh trong việc phát triển đội ngũ này. Những tài liệu này không chỉ nêu bật thực trạng hiện tại mà còn gợi mở những giải pháp thiết thực cho việc xây dựng ĐNTT trong thời gian tới

Hai là, Những nghiên cứu và những tài liệu đã có về trí thức và xây dựng ĐNTT ở tỉnh Kiên Giang chưa đề cập một cách đầy đủ, toàn diện, hệ thống (cả phương diện lý luận và thực tiễn) đến vai trò và đặc điểm của ĐNTT, thực trạng và nguyên nhân của thực trạng xây dựng ĐNTT ở Kiên Giang

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

Mục đích của luận án: Trên cơ sở làm rõ lý luận chung về trí thức, về công nghiệp hóa, hiện đại hóa và đánh giá những thành tựu, hạn chế trong việc xây dựng đội ngũ trí thức ở tỉnh Kiên Giang, luận án đề xuất phương hướng cơ bản và những giải pháp chủ yếu nhằm xây dựng đội ngũ trí thức phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở tỉnh Kiên Giang hiện nay.

Nhiệm vụ của luận án: *Thứ nhất*, trình bày, phân tích làm rõ những vấn đề lý luận chung về trí thức và về CNH, HĐH qua các khái niệm, đặc điểm, vai trò của ĐNTT và CNH, HĐH. *Thứ hai*, trình bày, phân tích quá trình CNH, HĐH ở tỉnh Kiên Giang và những thành tựu, hạn chế, nguyên nhân

của những thành tựu, hạn chế trong xây dựng ĐNTT phục vụ CNH, HĐH ở tỉnh Kiên Giang. *Thứ ba*, từ thành tựu, hạn chế, nguyên nhân và những yếu tố tác động đến việc xây dựng ĐNTT. Luận án đề xuất những phương hướng cơ bản và những giải pháp chủ yếu nhằm xây dựng ĐNTT phục vụ CNH, HĐH ở tỉnh Kiên Giang hiện nay.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án

Đối tượng nghiên cứu: Xây dựng ĐNTT phục vụ CNH, HĐH ở tỉnh Kiên Giang hiện nay.

Phạm vi nghiên cứu: Thời gian nghiên cứu: xây dựng ĐNTT ở tỉnh Kiên Giang trong thời gian từ năm 2008 đến nay (năm 2008 là năm tỉnh Kiên Giang triển khai thực hiện nghị quyết số 27-NQ/TW về “xây dựng ĐNTT trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước”); Không gian nghiên cứu: nghiên cứu xây dựng ĐNTT trong phạm vi của tỉnh Kiên Giang.

5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu của luận án

Cơ sở lý luận: Luận án được thực hiện dựa trên thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về trí thức và xây dựng ĐNTT trong thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước.

Phương pháp nghiên cứu: Luận án sử dụng các phương pháp thống nhất giữa phân tích và tổng hợp, lịch sử và logic, diễn dịch và quy nạp, so sánh và đối chiếu, phương pháp đi từ trừu tượng đến cụ thể.

6. Đóng góp mới của luận án

Thứ nhất, trên cơ sở lý luận chung về trí thức, CNH, HĐH và vai trò của ĐNTT thì luận án đã góp phần làm rõ thực trạng xây dựng ĐNTT phục vụ CNH, HĐH ở tỉnh Kiên Giang hiện nay.

Thứ hai, luận án làm rõ những yếu tố tác động đến xây dựng ĐNTT và đề xuất phương hướng và giải pháp xây dựng ĐNTT phục vụ CNH, HĐH ở tỉnh Kiên Giang hiện nay.

7. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề tài

Ý nghĩa khoa học: Luận án trình bày, phân tích, góp phần làm rõ những vấn đề về trí thức, CNH, HĐH và vai trò của trí thức với sự nghiệp CNH, HĐH ở Việt Nam nói chung và ở tỉnh Kiên Giang nói riêng một cách cơ bản và thống nhất. Qua đó góp phần giúp người đọc hiểu rõ được thực chất của trí thức và vai trò của trí thức đối với tiến trình CNH, HĐH.

Ý nghĩa thực tiễn: Nội dung và kết quả của luận án; nhất là những kết luận về thực trạng đội ngũ trí thức (ưu điểm và khuyết điểm, thành tựu và hạn chế, cùng những nguyên nhân của hạn chế khuyết điểm...) và phương hướng, giải pháp xây dựng đội ngũ trí thức phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở tỉnh Kiên Giang hiện nay là những cơ sở khoa học có ích, cần thiết, gợi mở cho các cấp ủy Đảng và chính quyền có thể bổ sung, điều chỉnh cơ chế và các chính sách liên quan đến xây dựng đội ngũ trí thức phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở tỉnh Kiên Giang hiện nay. Đồng thời, chúng là

những tài liệu tham khảo có ích, phục vụ cho việc nghiên cứu và giảng dạy về trí thức và xây dựng đội ngũ trí thức Việt Nam trong thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế.

8. Kết cấu của luận án

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo. Luận án được kết cấu thành ba chương, tám tiết và hai mươi bốn tiểu tiết.

PHẦN NỘI DUNG

Chương 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ TRÍ THỨC,

VỀ CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA VÀ MỐI QUAN HỆ

GIỮA XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC VỚI CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA

1.1. Lý luận chung về trí thức

1.1.1. Khái quát quan niệm về trí thức trong lịch sử triết học

Các quan niệm về trí thức

Thứ nhất, quan điểm ở phương Tây, phương Đông về trí thức qua các giai đoạn lịch sử: Ở Pháp từ thế kỷ XIX người ta gọi trí thức là Intellectuel, ở Nga các học giả gọi trí thức là Intelligentsia, ở Anh trí thức được gọi là Intellectual. Chung quy lại đều được hiểu đó là sự hiểu biết, trí tuệ, sự thông thái... Francis Bacon đã chú trọng đến sự vinh quang trong việc học tập, nghiên cứu, ông cho rằng: “trí thức là sức mạnh”. Ở Phương Đông, khi bàn về từ “trí” Khổng Tử cho rằng: “Trí là biết người”. Ở Việt Nam trong các triều đại phong kiến đều quan tâm đến việc đào tạo hiền tài. Một số tư tưởng tiêu biểu thời kỳ này có thể kể đến như: tư tưởng của Nguyễn Trãi và Lê Thái Tổ trong Chiếu cầu hiền tài. Lê Quý Đôn đã thể hiện quan niệm về “trí” trong quy luật thịnh suy, ông đã cho rằng “phi công bất phú, phi thương bất hoạt, phi nông bất ổn, phi trí bất hưng”. Nguyễn Trãi là nhà lãnh tụ kiệt xuất của phong trào Lam Sơn đã có tầm nhìn chiến lược thể hiện ở tư tưởng cầu hiền tài, sử dụng nhân tài vào việc trị quốc, an dân. Ông đã khẳng định: “Hào kiệt đời nào cũng có”. *Thứ hai*, quan niệm của C.Mác, Ph.Ăngghen, V.I.Lênin, Hồ Chí Minh và Đảng cộng sản Việt Nam về trí thức

Định nghĩa trí thức: Trên cơ sở phân tích các quan niệm về trí thức. Luận án nhất trí với khái niệm như sau: *Trí thức là một tầng lớp xã hội đặc biệt không chỉ là những cá nhân sở hữu kiến thức uyên thâm mà còn là những người có khả năng sáng tạo, phân tích và ứng dụng tri thức vào việc giải quyết các vấn đề thực tiễn, góp phần vào sự phát triển bền vững của xã hội. Trí thức không chỉ là lực lượng chủ chốt trong việc thúc đẩy tiến bộ khoa học, công nghệ mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng các giá trị văn hóa, đạo đức và định hướng tương lai của dân tộc.*

1.1.2. Khái quát chung về đội ngũ trí thức Việt Nam

Vai trò của đội ngũ trí thức: Lao động trí óc sáng tạo ra giá trị phục vụ xã hội; Phê phán và phản biện xã hội; Truyền bá tri thức và đào tạo trí thức trẻ; Hoạt động xã hội.

Vai trò của đội ngũ trí thức Việt Nam: Tiếp nhận và ứng dụng tri thức trong thực tiễn; Đội ngũ trí thức Việt Nam giữ vai trò quan trọng góp phần vào thắng lợi của cuộc cách mạng Tháng Tám và thành công của hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược; Đội ngũ trí thức Việt Nam giữ vai trò đặc biệt quan trọng góp phần quyết định thành công của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; Vai trò của đội ngũ trí thức Việt Nam trong xây dựng nền văn hóa dân tộc; Vai trò của đội ngũ trí thức Việt Nam trong hội nhập quốc tế dưới tác động của cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

Đặc điểm của đội ngũ trí thức Việt Nam: Trí thức Việt Nam là tầng lớp xã hội đặc biệt, xuất thân từ các tầng lớp nhân dân và được đào tạo từ nhiều nguồn khác nhau; Trí thức Việt Nam có lòng yêu nước nồng nàn, tình thương dân sâu sắc và tinh thần dân tộc cao, gắn bó với sự nghiệp cách mạng do Đảng lãnh đạo; Đa số trí thức Việt Nam có trình độ học vấn cao, chuyên môn hóa sâu và hiểu biết rộng về xã hội, có đức tính cần cù, thông minh, sáng tạo, sẵn sàng phục vụ Tổ quốc và nhân dân vô điều kiện; Trí thức Việt Nam gắn bó với nhân dân lao động, có phẩm chất đạo đức tốt và lòng tự trọng cao, luôn hướng tới “chân - thiện - mỹ”; Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh được đội ngũ trí thức Việt Nam kiên định lựa chọn làm cơ sở thế giới quan, phương pháp luận khoa học định hướng cho mọi hoạt động nhận thức và hoạt động thực tiễn của mình; Đội ngũ trí thức Việt Nam phân bố không đồng đều, có một bộ phận còn hạn chế về chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp.

1.2. Lý luận chung về công nghiệp hóa, hiện đại hóa

1.2.1. Khái niệm công nghiệp hóa, hiện đại hóa

Công nghiệp hóa: Công nghiệp hóa là quá trình chuyển đổi nền kinh tế nông nghiệp, thủ công sang nền kinh tế công nghiệp, nhằm nâng cao năng suất lao động và đạt được sự phát triển kinh tế bền vững; *Hiện đại hóa:* Hiện đại hóa là một quá trình chuyển đổi toàn diện trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, từ kinh tế, chính trị, văn hóa đến công nghệ, nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển trong bối cảnh thế giới ngày nay. *Công nghiệp hóa, hiện đại hóa:* CNH, HĐH là một quá trình chuyển đổi sâu rộng, trong đó con người không chỉ sử dụng những thành tựu KHCN để cải thiện các lĩnh vực sản xuất, mà còn áp dụng những đổi mới này vào mọi mặt của đời sống xã hội.

1.2.2. Nội dung, phương thức công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam

Nội dung của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam: Thứ nhất, một đất nước có nền kinh tế công nghiệp hiện đại là nơi lực lượng sản xuất phát triển mạnh mẽ, với công nghệ tiên tiến, năng suất lao động cao và sự đổi mới liên tục trong các ngành công nghiệp; Thứ hai, đất nước có nền dân chủ thực sự tiến bộ, tạo mọi điều kiện cho mỗi công dân và tập thể được làm chủ, bình đẳng và tự

do đóng góp ý kiến, công sức và tài năng vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ được các thành quả lao động mà họ tạo ra; *Thứ ba*, đất nước có nền văn hóa cao. Điều đó không chỉ thể hiện ở trình độ dân trí, văn minh và KH-CN của đa số dân cư, mà chủ yếu thể hiện ở lối sống, mức sống, chất lượng sống cao và hoạt động mang tính nhân đạo, nhân văn của nhân dân.

Phương thức công nghiệp hóa, hiện đại hóa: Một là, giữ vững độc lập, tự chủ, đi đôi với mở rộng hợp tác quốc tế; Hai là, phát huy tối đa nguồn lực con người; Ba là, nền tảng và động lực của công nghiệp hóa, hiện đại hóa chính là khoa học - công nghệ; Bốn là, kết hợp kinh tế với quốc phòng - an ninh.

1.3. Mối quan hệ giữa xây dựng đội ngũ trí thức với công nghiệp hóa, hiện đại hóa

1.3.1. Xây dựng đội ngũ trí thức là cơ sở, tiền đề, đòn bẩy để phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa

Trong bối cảnh thế giới ngày càng hội nhập và phát triển mạnh mẽ, việc thúc đẩy CNH, HĐH trở thành một yêu cầu cấp bách để nâng cao năng lực cạnh tranh của quốc gia. Để đạt được mục tiêu này, không thể không nhắc đến vai trò quan trọng của nguồn lực con người, đặc biệt là ĐNTT. Xây dựng ĐNTT không chỉ là cơ sở, tiền đề mà còn là đòn bẩy mạnh mẽ để phục vụ CNH, HĐH, giúp đất nước vươn lên trong kỷ nguyên phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Điều này được thể hiện: ĐNTT là cơ sở nền tảng của đổi mới sáng tạo và công nghệ; Trí thức là tiền đề, động lực cho quá trình chuyển đổi mô hình kinh tế; Vai trò của ĐNTT trong phát triển hạ tầng kỹ thuật và công nghiệp; ĐNTT là đòn bẩy cho sự phát triển bền vững.

1.3.2. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đặt ra yêu cầu, mục đích, nhiệm vụ cho phát triển đội ngũ trí thức

Trong bối cảnh toàn cầu hóa và sự phát triển nhanh chóng của khoa học công nghệ, CNH, HĐH không chỉ là một xu hướng tất yếu mà còn là mục tiêu chiến lược của mỗi quốc gia. Để đạt được những mục tiêu này, yếu tố con người, đặc biệt là ĐNTT, đóng vai trò then chốt. CNH, HĐH đặt ra yêu cầu, mục đích và nhiệm vụ cụ thể đối với việc phát triển ĐNTT, bởi chỉ có một ĐNTT vững mạnh, sáng tạo và có năng lực mới có thể đáp ứng được các thách thức và tạo ra những đột phá cần thiết cho sự phát triển bền vững của đất nước. Điều này được thể hiện: CNH, HĐH đặt ra yêu cầu, mục tiêu, nhiệm vụ đối với chất lượng ĐNTT; CNH, HĐH đặt ra yêu cầu và mục đích đối với phẩm chất đạo đức của ĐNTT; CNH, HĐH đặt ra yêu cầu và mục đích đối với ý thức và hiệu quả lao động của ĐNTT; CNH, HĐH đặt ra yêu cầu đối với trình độ chuyên môn của ĐNTT; CNH, HĐH đặt ra yêu cầu và mục đích đối với tinh thần và thái độ lao động của ĐNTT; CNH, HĐH đặt ra yêu cầu đối với tính kỷ luật trong lao động của ĐNTT.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Trí thức luôn là lực lượng nòng cốt trong việc sáng tạo, phát triển và lan tỏa tri thức qua mọi thời kỳ lịch sử. Với trình độ học vấn cao, chuyên môn sâu rộng và khả năng tư duy độc lập, trí thức không chỉ là những người nghiên cứu, sáng tạo mà còn đóng vai trò quan trọng trong việc ứng dụng, truyền bá và thực hiện những giá trị khoa học vào thực tiễn. Những công trình nghiên cứu, phát minh khoa học, các tác phẩm văn hóa nghệ thuật của họ không chỉ góp phần làm giàu tri thức nhân loại mà còn là những sản phẩm tạo nên giá trị đích thực, thúc đẩy sự tiến bộ toàn diện của xã hội và đất nước.

Trí thức Việt Nam, mặc dù xuất thân từ nhiều tầng lớp xã hội khác nhau, nhưng chủ yếu là từ công nhân, nông dân và nhân dân lao động, luôn mang trong mình tinh thần yêu nước mãnh liệt và gắn bó sâu sắc với sự nghiệp cách mạng. Chính lòng yêu nước và trách nhiệm với dân tộc đã dẫn dắt trí thức Việt Nam đồng hành cùng dân tộc qua các giai đoạn lịch sử, từ Cách mạng Tháng Tám 1945, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đến cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ, bảo vệ độc lập, chủ quyền của đất nước. Trong từng giai đoạn lịch sử, trí thức đã là lực lượng chủ chốt, góp phần không nhỏ vào sự nghiệp bảo vệ và phát triển đất nước, khẳng định vai trò không thể thiếu trong công cuộc xây dựng xã hội.

Trong thời kỳ đổi mới và hội nhập quốc tế, trí thức Việt Nam tiếp tục đóng vai trò không thể thay thế trong quá trình CNH, HĐH. Họ không chỉ đóng góp vào sự phát triển của KHCN, mà còn trong việc gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, đồng thời xây dựng nền văn hóa dân tộc hiện đại, đáp ứng yêu cầu hội nhập. Những đóng góp của trí thức không chỉ giới hạn trong phạm vi nghiên cứu khoa học hay kinh tế, mà còn mở rộng ra các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, xã hội, giúp nền văn hóa Việt Nam không chỉ bảo tồn mà còn phát triển mạnh mẽ trong bối cảnh toàn cầu hóa. Đây là minh chứng rõ ràng cho tinh thần yêu nước, sáng tạo và trách nhiệm đối với tương lai đất nước của ĐNTT.

Trong bối cảnh hiện nay, khi đất nước đang tiến hành CNH, HĐH và xây dựng nền kinh tế tri thức, việc xây dựng ĐNTT trở thành một yếu tố quyết định, tiền đề quan trọng để phát triển một nền kinh tế sáng tạo, hội nhập và bền vững. Thực tế, CNH, HĐH cũng đặt ra yêu cầu đối với ĐNTT, trong đó không chỉ đòi hỏi thái độ làm việc tích cực, phẩm chất đạo đức tốt, tính kỷ luật cao mà còn yêu cầu khả năng sáng tạo không ngừng để đáp ứng những thách thức phát triển trong tình hình mới. Bước vào thời kỳ hội nhập quốc tế, dưới sự tác động mạnh mẽ của toàn cầu hóa và cuộc cách mạng KHCN, đặc biệt là CMCN lần thứ tư, vai trò của trí thức Việt Nam càng trở nên quan trọng. Trí thức không chỉ là những người nắm bắt và ứng dụng các thành tựu khoa học, mà còn là lực lượng tiên phong dẫn dắt xã hội vượt qua thách thức và tận dụng cơ hội mà CMCN lần thứ tư mang lại. Chỉ khi trí thức Việt Nam

tiếp tục nâng cao trình độ và sáng tạo, đồng thời đóng vai trò dẫn dắt và phát triển xã hội, chúng ta mới có thể đáp ứng đầy đủ yêu cầu của thời đại mới, xây dựng một nền kinh tế tri thức, sáng tạo, bền vững và hội nhập mạnh mẽ vào cộng đồng quốc tế.

Chương 2

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA Ở TỈNH KIÊN GIANG, NHỮNG NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG VÀ NHỮNG THÀNH TỰU, HẠN CHẾ TRONG XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC Ở TỈNH KIÊN GIANG HIỆN NAY

2.1. Khái quát về công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở tỉnh Kiên Giang

2.1.1. Mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở tỉnh Kiên Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Mục tiêu CNH, HDH của tỉnh Kiên Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, là một trong những chiến lược quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Đây không chỉ là mục tiêu nhằm thúc đẩy sự chuyên môn của Kiên Giang từ một nền kinh tế nông nghiệp sang nền kinh tế công nghiệp, mà còn là bước đi cần thiết để tăng trưởng bền vững, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, và xây dựng cơ sở hạ tầng hiện đại, phục vụ cho phát triển lâu dài. Cụ thể: Thứ nhất, bảo đảm phát triển kinh tế bền vững; thứ hai, cơ cấu kinh tế của Kiên Giang đã chuyển dịch rõ rệt từ nền kinh tế nông nghiệp sang nền kinh tế công nghiệp và dịch vụ, phản ánh sự phát triển mạnh mẽ của các ngành công nghiệp, xây dựng và dịch vụ trong tỉnh; thứ ba: tỉnh phấn đấu bảo đảm tỷ lệ đô thị hóa đạt 50-55%, tạo nền tảng cho sự phát triển đô thị bền vững. Tỉnh cũng đặt mục tiêu xây dựng 05 khu công nghiệp, trong đó đã có 03 khu công nghiệp được thành lập, và 14 cụm khu công nghiệp, nhằm đẩy mạnh phát triển công nghiệp và thu hút đầu tư.

2.1.2. Nội dung công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở tỉnh Kiên Giang

Nông nghiệp lúa nước là thế mạnh của Kiên Giang, và tỉnh đã ban hành chính sách khuyến khích đầu tư phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (Nghị quyết 332/2020/NQ-HĐND). Chính sách này đã thu hút doanh nghiệp đầu tư, thúc đẩy ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất để cải thiện hiệu quả và khắc phục hạn chế của phương thức truyền thống. Khai thác thủy sản là thế mạnh và nguồn thu nhập bền vững của Kiên Giang. Tỉnh đã ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành hệ thống giám sát tàu cá trên biển thông qua hai phần mềm: Vnfishbase và hệ thống giám sát tàu cá do Tổng cục Thủy sản quản lý và phân quyền cho địa phương. Kiên Giang đang ứng dụng công nghệ mới trong các dịch vụ thiết yếu như y tế, giáo dục, tài chính và dịch vụ công. Tỉnh đã đầu tư mạnh vào Trung tâm dữ liệu để nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, đảm bảo an toàn và an ninh thông tin,

nâng cao khả năng quản lý của các cơ quan nhà nước. Các ứng dụng như Cổng thông tin hỗ trợ doanh nghiệp, hệ thống KIENGIANG-S, Trung tâm giám sát an toàn thông tin và hệ thống phản ánh hiện trường, cùng với hệ thống thông tin địa lý (Kiengiang GIS), giúp cung cấp thông tin minh bạch, nâng cao hiệu quả quản lý và phục vụ người dân. Các sản phẩm nông nghiệp của Kiên Giang được giao dịch qua sàn thương mại điện tử Postmart, với 89 tổ chức, cá nhân tham gia. Sở Thông tin và Truyền thông nâng cấp trang chuyendoiso.kiengiang.gov.vn...

2.1.3. Nội dung công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở tỉnh Kiên Giang đến năm 2030

Nội dung CNH, HĐH của tỉnh Kiên Giang được nêu rõ trong nhằm tạo ra bước đột phá trong Chương trình hành động số 40-CTr/TU, nhằm hướng đến mục tiêu phát triển kinh tế của tỉnh Kiên Giang, thúc đẩy chuyển đổi sang nền kinh tế công nghiệp hiện đại và bền vững. Chiến lược tập trung vào đổi mới sáng tạo và ứng dụng thành tựu CMCN lần thứ tư để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả cạnh tranh. Thực hiện chuyển đổi số toàn diện, chuyển dịch cơ cấu công nghiệp sang ngành công nghệ cao, phát triển công nghiệp xanh và công nghiệp ít phát thải carbon. Cơ cấu lại nông nghiệp và dịch vụ dựa trên công nghệ hiện đại, phát triển các dịch vụ liên ngành có giá trị gia tăng cao, đồng thời đẩy mạnh dịch vụ hóa trong ngành công nghiệp chế biến, chế tạo

2.2. Những yếu tố tác động đến việc xây dựng đội ngũ trí thức ở tỉnh Kiên Giang hiện nay

2.2.1. Tính định hướng trong chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước đối với việc xây dựng đội ngũ trí thức phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở tỉnh Kiên Giang hiện nay

Tính định hướng trong chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước đối với việc xây dựng ĐNTT phục vụ CNH, HĐH ở tỉnh Kiên Giang hiện nay có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đặc biệt trong bối cảnh chuyển dịch cơ cấu nền kinh tế và hội nhập quốc tế. Những định hướng này không chỉ tập trung vào việc xây dựng ĐNTT có chuyên môn, mà còn đảm bảo rằng ĐNTT này sẽ đóng góp vào việc phát triển bền vững các ngành kinh tế chủ lực của tỉnh như nông nghiệp, thủy sản, và công nghiệp chế biến, đồng thời nâng cao chất lượng đời sống xã hội và bảo vệ môi trường. Cụ thể đó là các định hướng: định hướng phát triển ngành nghề, lĩnh vực trọng điểm, định hướng phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đào tạo, bồi dưỡng và phát triển trí thức, tập trung vào phát triển nhân lực khoa học công nghệ, nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo, định hướng trong thực hiện tốt các chính sách phát triển và thu hút nguồn nhân lực của tỉnh.

2.2.2. Tác động của yếu tố địa lý - tự nhiên, kinh tế - xã hội, văn hóa đến xây dựng đội ngũ trí thức ở tỉnh Kiên Giang hiện nay

Với ưu thế về điều kiện tự nhiên đa dạng cùng với nguồn tài nguyên phong phú, đa dạng đã giúp cho Kiên Giang có nhiều thuận lợi trong phát triển kinh tế và giao lưu quốc tế. Cụ thể là, ở đây có vùng biển với nhiều hải đảo và nguồn lợi hải sản dồi dào, vừa có vùng đồng bằng phì nhiêu với khí hậu tương đối ôn hòa (thích hợp cho việc nuôi trồng nông, lâm, thủy hải sản). Điều kiện tự nhiên thuận lợi đã tạo nhiều lợi thế cho tỉnh Kiên Giang, phát triển các lĩnh vực và ngành kinh tế mũi nhọn: kinh tế nông - lâm - ngư nghiệp (phát triển vừa lúa, vừa trái cây, vừa thủy sản chất lượng cao); kinh tế công nghiệp (sản xuất vật liệu xây dựng, thủ công nghiệp, công nghiệp chế biến...); kinh tế du lịch (du lịch lịch sử văn hóa, du lịch biển đảo, du lịch nghỉ dưỡng...); kinh tế biển (đóng và sửa chữa tàu thuyền, dịch vụ vận tải biển, nuôi trồng, khai thác và chế biến thủy hải sản...).

Với quy mô dân số lớn thứ ba khu vực ĐBSCL, tỉnh Kiên Giang có lực lượng lao động dồi dào, số lượng lao động trong độ tuổi (từ 15 tuổi trở lên) chiếm khoảng 53,7% tổng dân số của tỉnh. Đây là nguồn lực quan trọng để đào tạo nhân lực và xây dựng ĐNTT của tỉnh Kiên Giang. Tỉnh Kiên Giang đặc biệt chú trọng đầu tư phát triển lĩnh vực văn hóa và thể dục thể thao, theo phương châm kết hợp "Nhà nước và nhân dân cùng làm". Tỉnh tập trung bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc, bao gồm giá trị văn hóa biển đảo, di tích lịch sử - văn hóa, và văn hóa du lịch. Đồng thời, Kiên Giang cũng tiếp thu và vận dụng sáng tạo các giá trị văn hóa từ các địa phương trong nước và quốc tế. Tỉnh tiếp tục phát triển các thiết chế văn hóa, như Trung tâm văn hóa - triển lãm, Trung tâm thể dục - thể thao, bảo tàng, thư viện, đồng thời tôn tạo và bảo vệ các di tích lịch sử, văn hóa và danh lam thắng cảnh, góp phần nâng cao đời sống văn hóa và thúc đẩy phát triển du lịch.

2.1.3. Tác động của kinh tế thị trường đến xây dựng đội ngũ trí thức của tỉnh Kiên Giang hiện nay

Nền KTTT định hướng XHCN ở Việt Nam không chỉ là một nền kinh tế thị trường đơn thuần mà là sự kết hợp giữa phát triển kinh tế hiện đại với các mục tiêu xã hội công bằng và bền vững. Điều này đòi hỏi sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước trong việc điều chỉnh các chính sách, phát triển các chương trình an sinh xã hội, bảo vệ môi trường và khuyến khích các sáng kiến cộng đồng nhằm mang lại lợi ích toàn diện cho toàn xã hội. Quá trình CNH, HĐH và phát triển KTTT định hướng XHCN tại tỉnh Kiên Giang là một bước ngoặt quan trọng không chỉ trong việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế mà còn trong việc định hình vai trò của ĐNTT. Quá trình này diễn ra với những yếu tố tích cực và tiêu cực, ảnh hưởng sâu sắc đến nhận thức, vai trò và sự đóng góp của trí thức trong bối cảnh phát triển.

2.1.4. Tác động của toàn cầu hóa đến xây dựng đội ngũ trí thức ở tỉnh Kiên Giang

Trong bối cảnh toàn cầu hóa diễn ra mạnh mẽ và sâu rộng, tác động của quá trình này đến việc xây dựng ĐNTT ở tỉnh Kiên Giang hiện nay là không thể phủ nhận. Toàn cầu hóa không chỉ thúc đẩy sự liên kết giữa các quốc gia về kinh tế, văn hóa, KHCN, mà còn tạo ra những cơ hội và thách thức mới đối với nguồn nhân lực trí thức của tỉnh. Những yêu cầu về chất lượng, khả năng hội nhập và sáng tạo ngày càng cao đòi hỏi ĐNTT phải không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực ngoại ngữ và kỹ năng ứng dụng công nghệ. Đồng thời, toàn cầu hóa cũng tạo ra sự cạnh tranh gay gắt trong việc thu hút và giữ chân nhân tài, nhất là khi các trí thức có thể dễ dàng di chuyển và làm việc tại nhiều quốc gia khác nhau.

2.1.5. Yếu tố giáo dục - đào tạo, khoa học - công nghệ tác động đến việc xây dựng đội ngũ trí thức phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở tỉnh Kiên Giang hiện nay

Giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ luôn là những yếu tố cốt lõi trong việc hình thành và phát triển ĐNTT, góp phần quan trọng vào quá trình CNH, HĐH ở tỉnh Kiên Giang. Trong bối cảnh toàn cầu hóa và sự phát triển mạnh mẽ của KHCN, việc nâng cao chất lượng giáo dục và nghiên cứu khoa học không chỉ đáp ứng nhu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế mà còn tạo ra nguồn nhân lực trí thức có khả năng dẫn dắt, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thực tiễn trong quá trình phát triển. Đây chính là chìa khóa để tỉnh Kiên Giang phát huy tiềm năng, vươn tới những mục tiêu phát triển bền vững trong tương lai.

2.3. Những thành tựu, hạn chế và nguyên nhân của những thành tựu, hạn chế trong việc xây dựng đội ngũ trí thức phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở tỉnh Kiên Giang hiện nay

2.3.1. Những thành tựu và nguyên nhân của những thành tựu trong xây dựng đội ngũ trí thức phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở tỉnh Kiên Giang

Thành tựu trong xây dựng đội ngũ trí thức phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở tỉnh Kiên Giang

Để công tác xây dựng ĐNTT và phát triển nguồn nhân lực đạt hiệu quả, tỉnh Kiên Giang đã thực hiện nhiều kế hoạch, chính sách nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, công chức. Hiện nay ĐNTT của tỉnh có 98.847 người có trình độ đại học trở lên (tăng 84.847 người so với năm 2008) chiếm 5.64% dân số. Có thể nói, đây là thành tựu rất ấn tượng trong đào tạo nguồn nhân lực và xây dựng ĐNTT của tỉnh Kiên Giang (từ chỗ 14 ngàn trí thức vào năm 2008, phấn đấu đến năm 2022 đã tăng lên 98.847 người). Trong đó có 64 tiến sĩ, 1.647 thạc sĩ, 94 bác sĩ chuyên khoa cấp II, 693 bác sĩ chuyên khoa cấp I, 96.349 đại học **Error! Reference source not found..** Cơ cấu trí thức hiện tập trung chủ yếu trong

lĩnh vực giáo dục - đào tạo, y dược và kinh tế, chiếm tỷ lệ lớn nhất. Trong khi đó, các ngành như kỹ thuật - công nghệ, an ninh quốc phòng và nông nghiệp có tỷ lệ phân bổ ít hơn. Đặc biệt, lĩnh vực du lịch chiếm tỷ lệ rất thấp (0.8%), cho thấy sự thiếu hụt nguồn nhân lực có chuyên môn trong ngành này. Sự phân bổ này gợi ý nhu cầu cân đối lại nhân lực trí thức để đáp ứng tốt hơn nhu cầu phát triển đa dạng của các lĩnh vực, đặc biệt là du lịch. Cụ thể: Số lượng trí thức tập trung nhiều ở lĩnh vực giáo dục - đào tạo (chiếm 19.5%), y dược (18.9%), kinh tế (14.2%), nông nghiệp (12.4%), kỹ thuật - công nghệ (7.6%), an ninh quốc phòng (6.6%), lĩnh vực công nghệ thông tin, khoa học cơ bản, luật, chính trị, văn hóa xã hội chiếm khoảng 3%. Riêng lĩnh vực du lịch chiếm tỷ lệ rất thấp (0.8%). Tỉnh đã ban hành chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện cho ĐNTT trong nghiên cứu khoa học, đồng thời duy trì tốt việc phân bổ kinh phí cho hoạt động nghiên cứu khoa học, tỉnh luôn dành kinh phí theo tỷ lệ quy định 2% ngân sách địa phương cho nghiên cứu khoa học, triển khai ứng dụng các thành tựu KH-CN. Để phát triển ĐNTT về số lượng và chất lượng, phát huy tốt vai trò là động lực, đi đầu trong việc nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ KH-CN, tiếp nhận và chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo trên nhiều lĩnh vực của tỉnh, tích cực tham gia các hoạt động nghiên cứu các đề tài, dự án thì tỉnh đã triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách đã ban hành thường xuyên và liên tục. Cụ thể: Giai đoạn 2008-2022 tỉnh đã phê duyệt, triển khai tổng số 458 đề tài, dự án (09 đề tài cấp quốc gia, 149 đề tài cấp tỉnh và hơn 300 đề tài cấp cơ sở) từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học của tỉnh. Trong đó có 19 đề tài, dự án cấp quốc gia và 41 đề tài, dự án cấp tỉnh do các nhà khoa học có trình độ tiến sĩ trở lên làm chủ nhiệm; có 43 đề tài dự án (02 đề tài, dự án cấp quốc gia và 41 đề tài, dự án cấp tỉnh) do nữ làm chủ nhiệm.

Nguyên nhân của những thành tựu trong xây dựng đội ngũ trí thức ở tỉnh Kiên Giang

Nhờ những chính sách và kế hoạch triển khai đồng bộ, ĐNTT tỉnh Kiên Giang đã không ngừng lớn mạnh về số lượng và chất lượng. Những kết quả này đã đóng góp quan trọng vào sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh Kiên Giang, đặc biệt trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội. Các thế hệ trí thức của tỉnh đã và đang là lực lượng chủ chốt trong việc đẩy mạnh CNH, HĐH và phát triển các ngành kinh tế mũi nhọn, nâng cao chất lượng sống cho người dân và tăng cường hội nhập quốc tế. Sự phát triển của ĐNTT không chỉ đáp ứng yêu cầu trong thực hiện nhiệm vụ chính trị, mà còn tạo nên động lực quan trọng cho sự phát triển bền vững của tỉnh, giúp Kiên Giang tiến bước vững chắc trên con đường phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng một Kiên Giang hiện đại, văn minh, bền vững trong tương lai. Chất lượng của ĐNTT thể hiện không chỉ ở trình độ học vấn, bằng cấp mà điều quan trọng là thể hiện ở sự đóng góp cho xây dựng hệ thống chính trị và phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của tỉnh.

2.3.2. Những hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế trong xây dựng đội ngũ trí thức ở tỉnh Kiên Giang

Những hạn chế trong xây dựng đội ngũ trí thức ở tỉnh Kiên Giang

Thứ nhất, việc triển khai công tác xây dựng ĐNTT của tỉnh (ở một số cấp ủy, cấp chính quyền địa phương, cơ quan, đơn vị...) chưa đồng bộ, thường xuyên, sâu rộng, kịp thời; *Thứ hai*, ĐNTT của tỉnh tuy có tăng nhanh cả số lượng và chất lượng; song trong đó, mức độ tăng về chất lượng (tính theo bằng cấp đào tạo) thấp và chậm hơn so với tăng về số lượng; *Thứ ba*, mặc dù ĐNTT của tỉnh đã tăng lên về cả số lượng và chất lượng, nhưng vẫn chưa hoàn toàn đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của quá trình CNH, HĐH. Về số lượng trí thức vẫn chiếm tỷ lệ khá thấp so với dân số (chiếm 5,64%, bình quân 6 người/vạn dân), đặc biệt là thiếu lực lượng trí thức chuyên gia, đầu ngành giỏi có thể chủ trì những chương trình khoa học lớn của tỉnh và đào tạo, bồi dưỡng, dẫn dắt lớp trí thức trẻ. Trong lực lượng trí thức hiện có, vẫn tồn tại bất hợp lý về ngành nghề đào tạo và sử dụng làm việc. Phần lớn trí thức của tỉnh sống và làm việc ở các đô thị, tập trung trong các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp (giáo dục chiếm 19,5%, y dược chiếm 18,9%, kinh tế chiếm 14,2%, nông nghiệp chiếm 12,4%...). Trong khi các ngành quan trọng, liên quan trực tiếp đến CNH, HĐH, ứng dụng thành tựu KHCN (nhất là thành tựu của CMCN lần thứ tư) thì tỷ lệ trí thức làm việc rất thấp (nhóm ngành kỹ thuật, công nghệ chỉ có 7,6%; công nghệ thông tin, khoa học cơ bản chỉ có 3%...). Đặc biệt là lĩnh vực du lịch, được coi là ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh thì chỉ có 0,8% trí thức làm việc; *Thứ tư*: Hệ thống cơ chế, chính sách của tỉnh chưa thực sự đủ mạnh, sức hấp dẫn chưa đủ cao để thu hút và giữ chân tốt đối với trí thức, đặc biệt là các chuyên gia trí thức có chuyên môn cao về làm việc tại tỉnh. Vẫn còn tình trạng trí thức trẻ được đào tạo nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp không trở về tỉnh công tác hoặc xin chuyển đi nơi khác có môi trường, điều kiện làm việc tốt hơn, thu nhập cao hơn, nhất là trong ngành y tế và ngành giáo dục. Cụ thể là từ năm 2008 đến nay tỉnh đã có 288 trí thức chuyển công tác đi nơi khác. Trong đó ngành giáo dục - đào tạo có 01 tiến sĩ, 07 thạc sĩ và 56 cử nhân; ngành y tế có 01 tiến sĩ, 02 bác sĩ chuyên khoa cấp II, 05 bác sĩ chuyên khoa cấp I và 12 bác sĩ đa khoa.

Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém trong xây dựng đội ngũ trí thức ở tỉnh Kiên Giang:
Nguyên nhân khách quan: Một là, Kiên Giang, một tỉnh nằm ở biên giới phía Tây - Nam của Việt Nam, đang đối mặt với một loạt thách thức lớn trong việc phát triển và cải thiện môi trường làm việc, thu hút nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là các chuyên gia đầu ngành và ĐNTT có trình độ chuyên môn sâu. Những yếu tố này, dù có thể nhìn thấy rõ ràng, lại ẩn chứa những nguyên nhân sâu xa có thể ảnh hưởng lâu dài đến sự phát triển bền vững của tỉnh; Hai là, Nền KTTT định hướng XHCN tại Kiên Giang hiện đang ở giai đoạn đầu của quá trình phát triển và xây dựng, vì vậy còn nhiều hạn chế và chưa hoàn thiện. Kinh tế tỉnh chủ yếu phụ thuộc vào các ngành nông - lâm - ngư nghiệp, với cơ cấu kinh tế chưa được chuyển dịch mạnh mẽ sang các ngành công nghiệp và dịch vụ; *Nguyên nhân chủ quan:* Thứ nhất, nhận thức của xã hội và của một bộ phận cán bộ, đảng viên, một số cấp ủy và cấp chính quyền ở địa phương, cơ quan, đơn vị trong tỉnh về vai trò của KHCN và ĐNTT chưa thực sự đúng đắn, đầy đủ, sâu sắc; Thứ hai, Kinh phí đầu tư cho KHCN cũng như việc đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng trí thức tại Kiên Giang hiện nay

đang còn hạn chế và chưa thực sự đáp ứng được nhu cầu phát triển bền vững của tỉnh; Thứ ba, một số bộ phận trí thức là cán bộ, công chức, viên chức hiện nay vẫn thiếu tính chuyên nghiệp và khả năng độc lập, quyết đoán trong công việc. Họ đôi khi chưa có đủ kỹ năng và kinh nghiệm để xử lý các tình huống phức tạp, dẫn đến hiệu quả công tác chưa cao.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Với xuất phát điểm thấp, trong những năm qua, tỉnh Kiên Giang đã có những nỗ lực đáng kể trong việc đẩy mạnh CNH, HĐH, đồng hành cùng cả nước và đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Kinh tế tỉnh phát triển ổn định với tốc độ tăng trưởng 7,2%/năm, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, tạo tiền đề vững chắc cho sự phát triển lâu dài. Đặc biệt, đời sống của người dân không ngừng được cải thiện, thể hiện rõ qua các chỉ số về thu nhập, cơ sở hạ tầng và các dịch vụ công. Những kết quả này góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và thúc đẩy sự phát triển bền vững của tỉnh. Tuy nhiên, nền kinh tế tỉnh Kiên Giang vẫn còn chủ yếu dựa vào nông nghiệp, trong khi công nghiệp và các ngành dịch vụ chưa phát triển tương xứng với tiềm năng và lợi thế sẵn có của địa phương. Các lĩnh vực KHCN, giáo dục – đào tạo, đổi mới sáng tạo và phát triển nguồn nhân lực chưa thực sự trở thành động lực thúc đẩy sự phát triển của tỉnh. Để đáp ứng yêu cầu phát triển toàn diện trong tương lai, tỉnh Kiên Giang đặt ra mục tiêu CNH, HĐH đến năm 2030 với các chỉ tiêu cụ thể: phát triển bền vững nền kinh tế, tăng trưởng GDP bình quân 7,2%/năm, GRDP bình quân đầu người đạt 4.520 USD, cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực, trong đó ngành công nghiệp chiếm 21,8%, nông nghiệp chiếm 19,1%, và dịch vụ chiếm 53,5%.

Để đạt được các mục tiêu nêu trên, việc vận dụng những thành tựu của KHCN, đặc biệt là trong bối cảnh CMCN lần thứ tư, sẽ là yếu tố then chốt. Việc đổi mới sáng tạo cần được đẩy mạnh nhằm tạo ra sự phát triển vượt bậc về năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế tỉnh Kiên Giang. Đồng thời, cần triển khai chuyển đổi số toàn diện, nâng cao năng lực tự chủ về công nghệ và phát triển các ngành công nghiệp xanh, nông nghiệp công nghệ cao... Tất cả những yêu cầu này đặt ra áp lực lớn đối với công tác xây dựng ĐNTT tại tỉnh Kiên Giang. Sau 15 năm thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW về xây dựng ĐNTT, tỉnh Kiên Giang đã đạt được những kết quả đáng khích lệ. ĐNTT không ngừng phát triển cả về số lượng và chất lượng, đóng góp quan trọng vào sự nghiệp xây dựng và phát triển của tỉnh. Tính đến nay, toàn tỉnh đã có 98.847 cán bộ, công chức, viên chức có trình độ từ đại học trở lên, chiếm 5,64% dân số, tăng 84.847 người so với năm 2008. Những kết quả này phản ánh sự tiến bộ rõ rệt trong công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, góp phần thúc đẩy công cuộc CNH, HĐH của địa phương. Tuy nhiên, so với tổng dân số của tỉnh, tỷ lệ ĐNTT vẫn còn thấp, và sự phân bố của ĐNTT không đều, phần lớn tập trung ở các khu vực thành thị và làm việc trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp. Số lượng trí thức làm việc ở các vùng sâu, vùng xa và

trong các doanh nghiệp còn rất ít. Đặc biệt, nguy cơ "chảy máu chất xám" đang hiện hữu, khi từ năm 2008 đến nay đã có 288 trí thức chuyển công tác ra ngoài tỉnh, một số cán bộ được cử đi đào tạo không trở về công tác tại tỉnh, và nhiều sinh viên tốt nghiệp không quay lại làm việc tại quê hương.

Nguyên nhân của những hạn chế này là đa dạng, nhưng chủ yếu là do: (1) Nền kinh tế thị trường tỉnh Kiên Giang chưa phát triển mạnh, nhu cầu ứng dụng tri thức và công nghệ hiện đại trong sản xuất và kinh doanh còn hạn chế, chưa đủ mạnh để tạo động lực thúc đẩy xây dựng ĐNTT; (2) Đầu tư cho KH-CN, cũng như cho việc phát triển đội ngũ trí thức còn thấp, cơ chế, chính sách thu hút và giữ chân trí thức chưa đủ hấp dẫn; (3) ĐNTT tỉnh Kiên Giang chưa đủ mạnh và thiếu các nhà khoa học có trình độ cao, thiếu các chuyên gia đầu ngành có thể lãnh đạo các công trình nghiên cứu lớn và đào tạo lớp thế hệ nhà khoa học trẻ; một bộ phận các nhà khoa học trẻ thiếu ý thức rèn luyện, không có khát vọng nghiên cứu, không có động lực vươn lên trong sự nghiệp khoa học.

Với những hạn chế nêu trên, việc xây dựng ĐNTT tỉnh Kiên Giang là một nhiệm vụ cấp bách và quan trọng để thúc đẩy CNH, HĐH trong tương lai. Các cơ quan chức năng cần nỗ lực giải quyết những vấn đề này để xây dựng một ĐNTT đủ mạnh, đồng bộ, đáp ứng được yêu cầu phát triển bền vững và toàn diện của tỉnh Kiên Giang.

Chương 3

PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC PHỤC VỤ CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA Ở TỈNH KIÊN GIANG HIỆN NAY

3.1. Phương hướng xây dựng đội ngũ trí thức phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở tỉnh Kiên Giang hiện nay

3.1.1. Xây dựng đội ngũ trí thức trên cơ sở quán triệt sâu sắc quan điểm, đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước về vai trò của đội ngũ trí thức phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nói riêng và với sự phát triển kinh tế - xã hội nói chung

Thực tiễn và xu hướng phát triển của đời sống kinh tế - xã hội luôn tạo ra những yêu cầu phải phát triển các lĩnh vực trong xã hội theo hướng tiên bộ và văn minh. Để xây dựng ĐNTT phục vụ CNH, HĐH ở tỉnh Kiên Giang nói riêng và với sự phát triển kinh tế - xã hội nói chung, Cần quán triệt sâu sắc quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về phát triển trí thức, từ đó triển khai các chính sách đồng bộ nhằm đào tạo, bồi dưỡng và đãi ngộ ĐNTT, để họ thực sự trở thành lực lượng nòng cốt trong công cuộc phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Trí thức sẽ đóng vai trò quyết định trong việc thúc đẩy sự phát triển bền vững, giải quyết các thách thức và mang lại những giá trị lớn lao cho xã hội.

3.1.2. Xây dựng đội ngũ trí thức trên cơ sở tiềm năng, yêu cầu và thế mạnh riêng có của tỉnh Kiên Giang

Kiên Giang là một tỉnh có những tiềm năng và thế mạnh nổi bật trong các lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản, du lịch và công nghiệp chế biến. Chính vì vậy, việc phát triển ĐNTT ở Kiên Giang không thể chỉ dừng lại ở việc đào tạo nhân lực chung mà phải gắn với những đặc thù của từng ngành và tiềm năng riêng có của tỉnh. Trong lĩnh vực nông nghiệp và nông nghiệp công nghệ cao: với diện tích đất nông nghiệp rộng lớn và vị trí chiến lược trong vùng ĐBSCL, Kiên Giang có tiềm năng lớn trong phát triển nông nghiệp, đặc biệt là nông nghiệp công nghệ cao. Để phát triển bền vững ngành nông nghiệp, tỉnh cần xây dựng ĐNTT có khả năng ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, từ đó nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm và bảo vệ môi trường. Các chuyên gia trong lĩnh vực này có thể hỗ trợ nông dân ứng dụng các mô hình sản xuất mới, tạo ra các sản phẩm nông sản có giá trị gia tăng cao, đáp ứng yêu cầu của thị trường trong nước và quốc tế; Trong lĩnh vực thủy sản và công nghiệp chế biến thủy sản, Kiên Giang có diện tích nuôi trồng thủy sản lớn và sản lượng xuất khẩu thủy sản đứng top đầu cả nước. Để ngành thủy sản phát triển bền vững và hiệu quả, cần có ĐNTT trong lĩnh vực công nghệ chế biến, bảo quản và xuất khẩu thủy sản. Việc xây dựng các cơ sở nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới, ứng dụng công nghệ tiên tiến vào chế biến thủy sản sẽ không chỉ giúp tăng trưởng giá trị gia tăng cho ngành mà còn tạo ra sản phẩm đạt tiêu chuẩn quốc tế, nâng cao sức cạnh tranh của Kiên Giang trên thị trường quốc tế; Trong lĩnh vực du lịch và phát triển du lịch bền vững, với cảnh quan thiên nhiên đa dạng, những bãi biển tuyệt đẹp và các di tích lịch sử, Kiên Giang có tiềm năng phát triển du lịch mạnh mẽ. Để phát triển ngành du lịch bền vững, cần có ĐNTT chuyên sâu trong lĩnh vực quản lý du lịch, phát triển sản phẩm du lịch độc đáo, ứng dụng công nghệ thông tin vào quảng bá du lịch và xây dựng các mô hình du lịch thông minh, thân thiện với môi trường. Đặc biệt, Kiên Giang cần xây dựng các khu du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, và du lịch kết hợp bảo tồn văn hóa, nhằm tạo ra những sản phẩm du lịch mang đậm bản sắc địa phương và thu hút du khách quốc tế.

3.1.3. Xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng, thu hút nhân tài

Định hướng đào tạo nhân lực chất lượng cao: để phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đặc biệt là ĐNTT, Kiên Giang cần nâng cao năng lực các cơ sở đào tạo trọng điểm, cải thiện chương trình giảng dạy, đội ngũ giảng viên, và cơ sở vật chất. Đồng thời, cần xây dựng chương trình hợp tác quốc tế với các cơ sở giáo dục uy tín để tạo cơ hội cho cán bộ, sinh viên tiếp cận kiến thức và công nghệ tiên tiến. Tỉnh cần xác định các ngành trọng điểm ưu tiên đào tạo, bao gồm công nghệ thông tin, cơ khí, công nghiệp chế biến nông sản, thủy sản công nghệ cao, du lịch và logistics, nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của tỉnh. Các chương trình đào tạo cần gắn kết chặt chẽ với nhu cầu thị trường lao động và thực tiễn, giúp học viên nhanh chóng thích nghi và đáp ứng yêu cầu của các ngành nghề mũi nhọn.

Để phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, tỉnh Kiên Giang cần xây dựng một *chính sách thu hút nhân tài đồng bộ và hiệu quả*, nhằm thu hút các chuyên gia, nhà khoa học, và các cá nhân có tài năng xuất sắc trong các lĩnh vực mũi nhọn của tỉnh. Trước tiên, tỉnh cần đưa ra các tiêu chuẩn rõ ràng và minh bạch để xác định nhân tài, bao gồm các chuyên gia, nhà khoa học có học hàm, học vị cao, và những cá nhân có thành tích học tập xuất sắc hoặc sở hữu năng khiếu vượt trội trong các lĩnh vực như công nghệ thông tin, cơ khí, nông nghiệp công nghệ cao, du lịch, và logistics.

3.2. Giải pháp xây dựng đội ngũ trí thức phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở tỉnh Kiên Giang hiện nay.

3.2.1. Nâng cao nhận thức của xã hội, nhất là nhận thức của cán bộ, đảng viên, cấp ủy đảng và chính quyền các cấp về vai trò quan trọng của đội ngũ trí thức trong đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở tỉnh Kiên Giang.

Thứ nhất, trong hệ thống chính trị (từ cấp tỉnh đến cấp quận, huyện và phường xã) cần quán triệt sâu sắc, đầy đủ về vai trò của KHCCN (nhất là CMCN lần thứ tư) và vai trò của ĐNTT trong tiếp thu, vận dụng tri thức và công nghệ hiện đại để đẩy mạnh CNH, HĐH và phát triển toàn diện các lĩnh vực đời sống xã hội của tỉnh. Trên cơ sở đó, đội ngũ cán bộ, đảng viên, các cấp ủy và cấp chính quyền trong hệ thống chính trị đề cao trí thức khoa học, coi trọng ĐNTT, vận dụng tri thức và công nghệ vào lĩnh vực công tác của mình để nâng cao “năng suất, chất lượng, hiệu quả” của công việc; *Thứ hai*, tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của nhà nước về vai trò của KHCCN và ĐNTT Việt Nam nói chung, ĐNTT Kiên Giang nói riêng đối với sự phát triển toàn diện của tỉnh Kiên Giang. Để làm được điều này, tỉnh cần dựa vào các lực lượng (Đoàn thanh niên, Hội sinh viên, thanh niên, công đoàn, nông dân, công nhân, trí thức, lực lượng báo chí, văn nghệ sĩ...); huy động tất cả các phương tiện thông tin đại chúng (đài phát thanh, truyền hình của tỉnh, huyện, hệ thống loa phát thanh của các phường, xã; hệ thống báo, tạp chí, bản tin của tất cả các cơ quan và địa phương); tuyên truyền đề cao vị trí, vai trò của ĐNTT trong xã hội hiện đại, phổ biến những tri thức về KHCCN, về KTTT, kinh tế tri thức, kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế số, chính quyền số, xã hội số; phát triển nông nghiệp công nghệ cao kết hợp với xây dựng nông thôn mới. Đồng thời, tỉnh cần có chính sách khuyến khích lực lượng văn nghệ sĩ sáng tác và biểu diễn về KHCCN, về xây dựng và phát triển ĐNTT...; *Thứ ba*, ĐNTT của tỉnh cần nhận thức rõ và thực thi trách nhiệm của mình về: (1) sáng tạo, tiếp nhận và phổ biến tri thức KHCCN mới trong hệ thống trường học, trong các doanh nghiệp và tới toàn thể nông dân, công nhân; (2) hình thành các câu lạc bộ (ở các doanh nghiệp, các hội nông dân, tổ chức đoàn thanh niên, các trường học...) để nghiên cứu, trao đổi, phổ biến tri thức, kinh nghiệm (hình thành các dự án khoa học để đưa tri thức, công nghệ về vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số).

3.2.2. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý nhà nước đối với đội ngũ trí thức, phát huy vai trò của các tổ chức đại diện cho đội ngũ trí thức trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

Thứ nhất, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý nhà nước đối với ĐNTT và quá trình xây dựng ĐNTT của tỉnh, mà thiếu giải pháp này thì khó có thể xây dựng được ĐNTT đông về số lượng, mạnh về chất lượng và trở thành động lực phát triển toàn diện của tỉnh; *Thứ hai*, tạo điều kiện phát huy vai trò của Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật tỉnh Kiên Giang, tổ chức đại diện trí thức KHCN của tỉnh. Để thực hiện được mục tiêu trên cần xác định các nhiệm vụ quan trọng sau: *Một là*, đổi mới công tác tuyên truyền vận động trí thức bằng những tấm gương sáng của trí thức theo lời Bác Hồ dạy, xây dựng nhiều đề tài, dự án khoa học và các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa của tỉnh để lôi cuốn ngày càng nhiều trí thức tham gia nghiên cứu, tư vấn, phản biện xã hội và ứng dụng những tiến bộ KHCN hiện đại vào sản xuất kinh doanh, phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa; *Hai là*, trong bối cảnh hiện nay, với sự tác động mạnh mẽ của các yếu tố như “điển biến hòa bình”, “tự điển biến”, “tự chuyển hóa” cùng với những tiêu cực xã hội đang tồn tại, Liên hiệp các Hội khoa học - kỹ thuật tỉnh Kiên Giang cần có một tầm nhìn chiến lược rõ ràng để củng cố và phát huy vai trò của mình trong sự phát triển chung của xã hội; *Ba là*: Tích cực huy động các nguồn lực tham gia vào công tác xã hội thiện nguyện là một nhiệm vụ quan trọng, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống và củng cố tình đoàn kết trong cộng đồng. Để thực hiện điều này, cần chú trọng đến việc kết hợp giữa các tổ chức xã hội, doanh nghiệp và cá nhân nhằm xây dựng những chương trình thiết thực như xóa đói giảm nghèo, chăm sóc các gia đình chính sách, và xây dựng nhà tình thương, tình nghĩa cho những người có hoàn cảnh khó khăn.

3.2.3. Xây dựng và phát triển hệ thống cơ chế, chính sách đồng bộ và môi trường hoạt động lành mạnh của đội ngũ trí thức

Chỉ đạo, rà soát, bổ sung, vận dụng và ban hành các cơ chế chính sách phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác đào tạo, bồi dưỡng, thu hút nguồn nhân lực, đãi ngộ trí thức về tinh công tác... cần có những chính sách hỗ trợ, khuyến khích để không ngừng nâng cao năng lực và sự cống hiến của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đảm bảo rằng họ luôn là những người tiên phong trong việc thực hiện các nhiệm vụ, góp phần xây dựng tỉnh Kiên Giang ngày càng phát triển và hiện đại. Các cần làm để thực hiện được mục tiêu trên đó là: *Thứ nhất*, rà soát lại hệ thống cơ chế, chính sách đối với trí thức: cái nào là cũ, lạc hậu, cản trở đến xây dựng ĐNTT, cản trở việc phát huy sáng tạo của trí thức, nói ngắn gọn là cản trở sự phát triển của trí thức thì cần gỡ bỏ ngay; cái nào là cũ nhưng còn giá trị có thể sửa chữa, sử dụng được thì phải giữ lại nhưng phải cải tạo (gỡ bỏ ràng buộc về thủ tục hành chính lỗi thời) cho phù hợp với điều kiện mới; cái nào là mới (có giá trị nhưng đa số chưa quen nên áp dụng ban đầu hiệu quả thấp thì phải kiên trì giới thiệu để áp dụng); *Thứ hai*, xây dựng một số cơ chế và chính sách mới đáp ứng với hoàn cảnh mới (CMCN lần thứ tư) và điều kiện mới (hội nhập quốc tế, cả nước và các địa phương cần tập trung các nguồn lực phát triển nhanh và bền vững...) để thu hút, tập trung các nguồn lực, trí tuệ sáng tạo của trí thức; *Thứ ba*, tạo dựng, phát triển và hoàn thiện môi trường

hoạt động lành mạnh của trí thức. Môi trường hoạt động của trí thức là tổng hợp toàn bộ các điều kiện, các yếu tố vật chất và tinh thần, tự nhiên, xã hội và văn hóa bao quanh cuộc sống, làm việc, sinh hoạt của ĐNTT.

3.2.4. Đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao số lượng và chất lượng của đội ngũ trí thức tỉnh Kiên Giang đồng thời gắn liền với việc phát triển khoa học - công nghệ

Thứ nhất, đối với bậc đại học và cao đẳng, cần tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật, phương tiện, phòng thí nghiệm hiện đại, đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, giảng dạy, học tập, thực hành của đội ngũ giảng viên và sinh viên. Cần chuẩn hóa và hiện đại hóa trường đại học, cao đẳng, đảm bảo “trường ra trường, lớp ra lớp”, “thầy ra thầy, trò ra trò”, cần chú trọng tính chất “mô phạm”, kỷ cương, dân chủ và văn hóa của nhà trường. *Thứ hai*, đối với bậc cao học và nghiên cứu sinh, nhà trường không chỉ đáp ứng đầy đủ yêu cầu về cơ sở vật chất, kỹ thuật, phòng thí nghiệm, phương tiện đào tạo hiện đại mà còn phải tạo dựng môi trường “đào tạo và tự đào tạo, nghiên cứu và tự nghiên cứu, bồi dưỡng và tự bồi dưỡng, huấn luyện và tự huấn luyện...”.

Các đề tài, dự án KHCN, nhất là công nghệ cao còn hạn chế. Các đề tài, dự án khoa học ứng dụng có hiệu quả vào phát triển kinh tế - xã hội còn ít”. Do vậy, trong điều kiện hiện nay, tỉnh cần thực hiện các biện pháp sau: *Một là*, tập trung các nguồn lực, đầu tư xây dựng, phát triển các tổ chức KHCN (viện, trường, trung tâm nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ, phòng thí nghiệm...) trong các trường đại học, cao đẳng, các doanh nghiệp, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp...; *Hai là*, thu hút các nhà khoa học vào thực tiễn nghiên cứu và ứng dụng KHCN, xây dựng đội ngũ chuyên gia đầu ngành: xác định các lĩnh vực ưu tiên và nhu cầu cụ thể; Tạo lập môi trường hợp tác giữa nhà khoa học và doanh nghiệp; Hỗ trợ đào tạo và phát triển đội ngũ nhà khoa học trẻ; Xây dựng hệ thống khuyến khích và tôn vinh; Tạo ra một không gian làm việc sáng tạo và thân thiện.

3.2.5. Xây dựng đội ngũ trí thức đồng bộ và toàn diện đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển bền vững ở tỉnh Kiên Giang

Tính đồng bộ và toàn diện của ĐNTT ở tỉnh Kiên Giang được thể hiện: (1) ĐNTT đồng đủ, trong đó có sự kết hợp hài hòa giữa trí thức lãnh đạo, quản lý với trí thức khoa học và với trí thức văn học - nghệ thuật. (2) ĐNTT cân đối trong đó đảm bảo sự tương ứng và hợp lý giữa chất lượng, số lượng và cơ cấu (cơ cấu về độ tuổi, tỷ lệ cơ cấu về trình độ và học hàm, học vị, cơ cấu về ngành nghề và nơi làm việc); (3) ĐNTT có phẩm chất đầy đủ, toàn diện “đạo đức - trí tuệ - bản lĩnh”. Đó là những con người “cần kiệm liêm chính”, yêu nước, thương dân, vì dân, trọng dân với trí thức uyên bác, tư duy khoa học biện chứng và bản lĩnh (bảo vệ cái tốt, cái đúng, lên án cái xấu, cái sai). Để có ĐNTT với những phẩm chất nêu trên rất cần thiết phải thực hiện chương trình giáo dục, đào tạo, rèn luyện và thực hành về tư tưởng, chính trị, đạo đức, tri thức, văn hóa, nghề nghiệp.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Trong những năm qua, tỉnh Kiên Giang đã có được đội ngũ trí thức không ngừng lớn mạnh về số lượng, chất lượng và có đóng góp quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội, văn hóa của tỉnh. Tuy nhiên, trước yêu cầu phát triển mới của tỉnh, đội ngũ trí thức hiện có đã bộc lộ những hạn chế, bất cập và chưa đáp ứng được nhiệm vụ mới. Vì vậy, cần phải phân tích các yếu tố tác động đến xây dựng đội ngũ trí thức (yếu tố địa lý tự nhiên, kinh tế - xã hội, văn hóa; yếu tố công nghiệp hóa, hiện đại hóa và kinh tế thị trường; yếu tố toàn cầu hóa và cách mạng khoa học – công nghệ, nhất là cách mạng công nghiệp lần thứ tư). Trên cơ sở này và căn cứ vào thực trạng xây dựng đội ngũ trí thức trong thời gian qua, đề xuất phương hướng rõ ràng, giải pháp thiết thực để xây dựng đội ngũ trí thức ngày càng phục vụ tốt hơn cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của tỉnh.

KẾT LUẬN CHUNG

Lịch sử nhân loại đã khẳng định rằng trí thức luôn là lực lượng tiên phong trong việc sáng tạo và vận dụng tri thức để thúc đẩy xã hội phát triển. Tại Việt Nam, trí thức đã thể hiện vai trò không thể thay thế trong những thời khắc quyết định của đất nước. Họ không chỉ là những người sở hữu tri thức sâu rộng, mà còn là những nhà tư tưởng, nhà lãnh đạo và người dẫn đầu trong mọi lĩnh vực. Trong Cách mạng Tháng Tám, trí thức đã tham gia trực tiếp vào việc tổ chức, lãnh đạo quần chúng, đồng thời làm cầu nối cho những sáng tạo, từ đó góp phần vào thắng lợi của cuộc cách mạng giành độc lập. Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, trí thức Việt Nam tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong công tác nghiên cứu, tư vấn và chỉ đạo chiến lược. Họ không chỉ tham gia trực tiếp vào các hoạt động quân sự, mà còn là những người truyền bá lý tưởng, khơi dậy tinh thần yêu nước và tự do trong lòng nhân dân. Nhiều trí thức đã hy sinh tất cả, cống hiến tài năng và sức lực cho sự nghiệp cách mạng, góp phần xây dựng sức mạnh tổng hợp của dân tộc trong cuộc đấu tranh giành độc lập. Chính những đóng góp của trí thức đã giúp Việt Nam vượt qua mọi thử thách, tạo ra nền tảng vững chắc cho sự phát triển trong tương lai.

Trong giai đoạn phát triển hiện nay, trí thức không chỉ đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy KHCN và giáo dục, mà còn là nhân tố cốt lõi trong công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương, điển hình như tỉnh Kiên Giang. Trong bối cảnh đất nước hội nhập quốc tế và chuyển mình mạnh mẽ trong CNH, HĐH, trí thức Kiên Giang đã có những đóng góp đáng kể trong việc nghiên cứu, áp dụng các thành tựu KHCN vào sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ, giúp tỉnh vươn lên mạnh mẽ trong nền KTTT toàn cầu. Tuy nhiên, quá trình xây dựng ĐNTT tại Kiên Giang cũng không thiếu những khó khăn và thách thức. Những vấn đề về cơ sở hạ tầng chưa đồng bộ,

chính sách phát triển chưa đủ mạnh mẽ, và sự thiếu hụt trong các ngành khoa học kỹ thuật cao vẫn đang là những rào cản lớn. Thêm vào đó, sự thay đổi nhanh chóng của các xu thế toàn cầu và CMCN lần thứ tư đòi hỏi trí thức không chỉ có kiến thức vững vàng mà còn phải có khả năng sáng tạo, tư duy phản biện và nhạy bén trong việc thích ứng với các xu thế mới.

Để đáp ứng yêu cầu của CNH, HĐH, Kiên Giang cần những giải pháp toàn diện và dài hạn. Trước hết, cần nâng cao nhận thức của toàn xã hội, đặc biệt là cán bộ, đảng viên và chính quyền các cấp về vai trò quan trọng của trí thức trong việc thúc đẩy sự phát triển bền vững của tỉnh. Thứ hai, cần tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước đối với ĐNNT, đồng thời phát huy vai trò của các tổ chức đại diện cho trí thức trong việc tham gia xây dựng các chiến lược phát triển. Thứ ba, cần xây dựng và phát triển một hệ thống cơ chế, chính sách đồng bộ, tạo ra môi trường làm việc lành mạnh và thúc đẩy sáng tạo cho trí thức. Thứ tư, việc đào tạo, bồi dưỡng ĐNNT phải được gắn kết chặt chẽ với nhu cầu phát triển KH-CN, từ đó tạo nền tảng cho việc xây dựng một nền kinh tế trí thức, sáng tạo, và phát triển bền vững. Thứ năm, xây dựng ĐNNT đồng bộ, toàn diện, đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH và phát triển bền vững ở tỉnh Kiên Giang

Trí thức không chỉ là những người sở hữu tri thức mà còn là những nhà sáng tạo, những người có khả năng ứng dụng tri thức để giải quyết các vấn đề xã hội, từ đó hình thành những chiến lược và hướng đi cho sự phát triển của đất nước. Họ chính là những người dẫn dắt sự thay đổi, là nguồn động lực giúp nâng cao nhận thức xã hội và thay đổi quan niệm. Vì vậy, việc xây dựng, đào tạo, bồi dưỡng và đãi ngộ trí thức không chỉ là một nhiệm vụ kinh tế, mà còn là một sứ mệnh xã hội quan trọng trong quá trình phát triển đất nước. Đầu tư vào trí thức chính là đầu tư cho tương lai, là chiến lược dài hạn để xây dựng một xã hội thịnh vượng, nơi mà mỗi cá nhân đều có cơ hội phát triển, sống trong hòa bình, tự do và hạnh phúc. Trong bối cảnh hội nhập và phát triển hiện nay, trí thức sẽ tiếp tục là lực lượng cốt lõi trong việc hiện thực hóa các mục tiêu quốc gia, góp phần tạo dựng nền tảng vững chắc cho sự phát triển bền vững, khẳng định vai trò không thể thay thế của họ trong tiến trình xây dựng một xã hội công bằng, văn minh và thịnh vượng.